

Số: 163/SNN-VP

Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2021

THÔNG BÁO

**Thực hiện Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/6/2021
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội**

Kính gửi: Các chi cục trực thuộc Sở

Ngày 14/6/2021, UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/6/2021 thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Hà Nội.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội thông báo và yêu cầu các Chi cục trực thuộc Sở căn cứ chức năng nhiệm vụ triển khai thực hiện Quyết định nêu trên của Ủy ban nhân dân thành phố, cụ thể:

1. Niêm yết Quyết định 2590/QĐ-UBND ngày 14/6/2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố tại bộ phận một cửa và trang web của đơn vị.

2. Xây dựng Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo phương án đơn giản hóa gửi về Sở trước ngày 30/6/2021 (Gửi kèm theo bản word theo địa chỉ: Phamthanhhuynqn1977@gmail.com)

3. Giao cho Văn phòng Sở đôn đốc, tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân Thành phố bãi bỏ Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính; Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC theo nội dung phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính đúng quy định. /...*Law*

Nơi nhận: *LB*

- Như kính gửi;
- Phòng KSTTHC UBND thành phố (b/c)
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu VT, VP.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Huy Đăng

Số: **2590** /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày **14** tháng **6** năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật số 47/2019/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về Kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội tại Tờ trình số 202/TTr-SNN ngày 18/5/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua Phương án đơn giản hóa 19 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2.

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội chủ trì, phối hợp cơ quan liên quan triển khai kết quả rà soát, đánh giá thủ tục hành chính đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật;

2. Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố kiểm tra, đôn đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành thuộc Thành phố; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục KSTTHC-Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch, các PCT UBND Thành phố;
- VP Thành ủy, VP Đoàn ĐBQH, VP HĐNDTP;
- Các Sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện, thị xã;
- VPUBTP: CVP, PCVP L.T.Lực, các phòng: TKBT, KT, KSTTHC, THCB;
- Công giao tiếp điện tử Thành phố;
- Lưu: VT, KSTTHC. ✓

KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hồng Sơn

Phụ lục
PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN HÀ NỘI
(Kèm theo Quyết định số **2590** /QĐ-UBND ngày **14** tháng **6** năm **2021**
của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội)

I. Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn: Tổng số thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực: 04 TTHC, đề xuất đơn giản hóa giải quyết (giảm thời gian giải quyết) đối với 01/04 TTHC, tổng số thời gian rút ngắn: 01 ngày làm việc.

1. Công nhận làng nghề truyền thống

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 01 ngày làm việc so với quy định.
- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 30 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được 01 ngày làm việc (3,33% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Khoản 4 Điều 6 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về Phát triển ngành nghề nông thôn.

II. Lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật: Tổng số thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực: 08 TTHC, đề xuất đơn giản hóa giải quyết (giảm thời gian giải quyết) đối với 03/08 TTHC, tổng số thời gian rút ngắn: 03 ngày làm việc.

1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 01 ngày làm việc so với quy định.
- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 13 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được 01 ngày làm việc (7,7% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón.

2. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón (Áp dụng đối với trường hợp thay đổi về địa điểm buôn bán phân bón)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 01 ngày làm việc so với quy định.
- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 13 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được 01 ngày làm việc (7,7% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi khoản 1 Điều 17 Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón.

3. Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật.

a) Nội dung đơn giản hóa: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 07 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được 01 ngày làm việc (14,3% thời gian).

- Thời gian thực hiện: Giảm 01 ngày làm việc so với quy định.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 07 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được 01 ngày làm việc (14,3% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi khoản 3 Điều 62 Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc bảo vệ thực vật.

III. Lĩnh vực quản lý chất lượng nông, lâm sản - Thủy sản: Tổng số thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực: 05 TTHC, đề xuất đơn giản hóa giải quyết (giảm thời gian giải quyết) đối với 01/05 TTHC, tổng số thời gian rút ngắn: 01 ngày làm việc.

1. Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (Trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày giấy chứng nhận ATTP hết hạn) (TTHC chung cho cấp sở, cấp huyện).

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 01 ngày làm việc so với quy định.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 15 ngày làm việc đối với trường hợp chưa được thẩm định xếp loại, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được 01 ngày làm việc (6,66% thời gian); 07 ngày làm việc đối với trường hợp cơ sở đã được thẩm định xếp loại A hoặc B, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được 01 ngày làm việc (giảm 14,2%).

b) Đề nghị sửa đổi Khoản 5 Điều 17 Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

IV. Lĩnh vực Thủy sản: Tổng số thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực: 14 TTHC, đề xuất đơn giản hóa giải quyết (giảm thời gian giải quyết) đối với 07/14 TTHC, tổng số thời gian rút ngắn: 07 ngày làm việc.

1. Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài).

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 01 ngày làm việc so với quy định.

- Lý do: Thời gian theo quy định thực hiện tối đa là 10 ngày làm việc trong trường hợp cấp mới, thực tế có thể rút ngắn được 01 ngày làm việc (giảm 10% về thời gian thực hiện).

b) Đề nghị sửa đổi Khoản 4, Điều 28 Nghị định 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thủy sản.

2. Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ giống thủy sản bố mẹ).

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 01 ngày làm việc so với quy định.

- Lý do: Thời gian theo quy định thực hiện tối đa là 10 ngày làm việc trong trường hợp cấp mới, thực tế có thể rút ngắn được 01 ngày làm việc (giảm 10% về thời gian thực hiện).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Khoản 4, Điều 21 Nghị định 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thủy sản.

3. Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu).

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 01 ngày làm việc so với quy định.

- Lý do: Thời gian theo quy định thực hiện tối đa là 10 ngày làm việc, thực tế có thể rút ngắn được 01 ngày làm việc (giảm 10% về thời gian thực hiện).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Khoản 3, Điều 35 Nghị định 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thủy sản.

4. Quy trình Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản (đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất giống thủy sản).

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 01 ngày làm việc so với quy định.

- Lý do: Thời gian theo quy định thực hiện tối đa là 20 ngày làm việc, thực tế có thể rút ngắn được 01 ngày làm việc (giảm 5% về thời gian thực hiện).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Điều 28; Khoản 2 Điều 29; Khoản 1 Điều 31 Thông tư 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh.

5. Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản.

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 01 ngày làm việc so với quy định.

- Lý do: Thời gian theo quy định thực hiện tối đa là 17 ngày làm việc (đối với trường hợp vùng, cơ sở chưa được đánh giá định kỳ hoặc được đánh giá định kỳ nhưng thời gian đánh giá quá 12 tháng tính đến ngày hết hiệu lực của Giấy chứng nhận), thực tế có thể rút ngắn được 01 ngày làm việc (giảm 5,88% về thời gian thực hiện).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Điều 44 Thông tư 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh.

6. Quy trình Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận.

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 01 ngày làm việc so với quy định.

- Lý do: Thời gian theo quy định thực hiện tối đa là 20 ngày làm việc, thực tế có thể rút ngắn được 01 ngày làm việc (giảm 5% về thời gian thực hiện).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Khoản 3, Khoản 4 Điều 46 Thông tư 14/2016/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ngày 02/6/2016 quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh.

7. Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng.

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 01 ngày làm việc so với quy định.

- Lý do: Thời gian theo quy định thực hiện tối đa là 07 ngày làm việc, thực tế có thể rút ngắn được 01 ngày làm việc (giảm 14,29% về thời gian thực hiện).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Khoản 2, Điều 39 Nghị định 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.

V. Lĩnh vực Chăn nuôi thú y: Tổng số thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực: 16 TTHC, đề xuất đơn giản hóa giải quyết (giảm thời gian giải quyết) đối với 07/16TTHC, tổng số thời gian rút ngắn: 07 ngày làm việc.

1. Cấp, cấp lại giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y.

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 01 ngày làm việc so với quy định.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 15 ngày làm việc (trường hợp cấp mới giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y và cấp lại đối với Giấy chứng nhận hết hạn), thực tế có thể rút ngắn được 01 ngày làm việc (6,67% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Khoản 4 Điều 37 Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/06/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và vệ sinh thú y.

2. Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y.

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 01 ngày làm việc so với quy định.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 15 ngày làm việc, thực tế có thể rút ngắn được 01 ngày làm việc (6,67% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Khoản 3 Điều 43 Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/06/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y.

3. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đơn đặt hàng (Đối với cơ sở sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến).

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 01 ngày làm việc so với quy định.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 28 ngày làm việc, thực tế có thể rút ngắn được 01 ngày làm việc (2,63% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Khoản 2 Điều 4; Khoản 3 Điều 10 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.

4. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đơn đặt hàng (Đối với hình thức nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến).

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 01 ngày làm việc so với quy định.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 08 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được thành 01 ngày làm việc (12,5% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Khoản 2 Điều 4; Khoản 5 Điều 10 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.

5. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn (Đối với hình thức nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến).

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 01 ngày làm việc so với quy định.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 28 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được thành 01 ngày làm việc (3,57% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Khoản 2 Điều 4; Khoản 3 Điều 23 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.

6. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn (Đối với hình thức nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến).

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 01 ngày làm việc so với quy định.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 08 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được thành 01 ngày làm việc (12,5% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Khoản 2 Điều 4; Khoản 5 Điều 23 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.

7. Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở phải đánh giá lại.

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 01 ngày làm việc so với quy định.
- Lý do: Thời gian theo quy định thực hiện tối đa là 15 ngày làm việc, thực tế có thể rút ngắn được 01 ngày làm việc (giảm 6,67% về thời gian thực hiện).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Điều 32 Thông tư 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh.

